

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

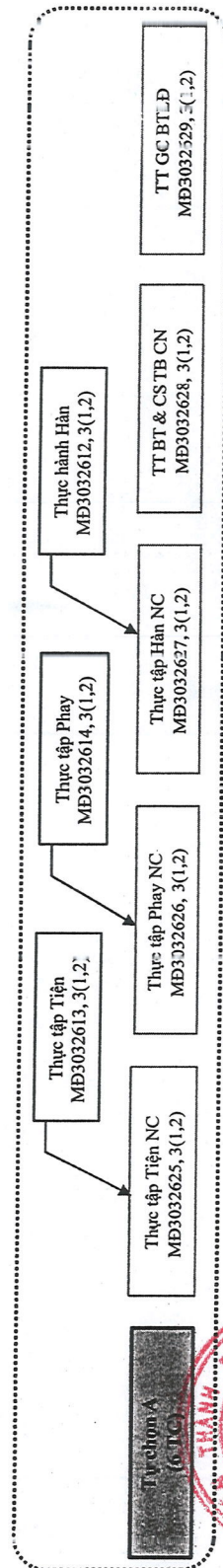
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Tên ngành: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

Mã ngành: 6510201

HỌC KỲ 1 (18 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (22 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (18 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 5 (16 Tín chỉ)
Tiếng Anh 1 MH3107260, 2(1,1)	Tiếng Anh 2 MH3107261, 2(1,1)	CD Chính trị MH3108021, 5(5,0)	Pháp luật MH3108103, 2(2,0)	Tự chọn B (6 TC)
Tin học MH3101260, 3(1,2)	GD Thể chất MH3109105, 2(0,2)	CN Chế tạo máy MH3032608, 4(3,1)	ĐA CH CTM MH3032620, 1(0,1)	TĐ TL & KN MH3032617, 2(1,1)
ATLĐ & SDNLHQ MH3032600, 3(3,0)	Thiết kế mô hình 3D MH3032609, 3(2,1)	TK mô hình 3D NC MH3032622, 3(2,1)	Công nghệ CAD/CAM MH3032610, 3(2,1)	TA chuyên ngành CK MH3032618, 3(3,0)
VKT với trợ giúp của MT MH3032602, 4(3,1)	Dung sai – ĐL KT MH3032603, 3(2,1)	Thực tập Tiền MH3032613, 3(1,2)	TBD trong máy CN MH3032616, 2(1,1)	Thực tập tốt nghiệp MH3032621, 5(0,5)
Cơ ứng dụng MH3032605, 3(2,1)	Nguyên lý chi tiết máy MH3032606, 3(2,1)	Thực tập Phay MH3032614, 3(1,2)	Thực tập CNC MH3032615, 3(1,2)	TK khuôn mẫu MH3032630, 3(2,1)
Thực hành Ngươi MH3032611, 3(1,2)	Công nghệ kim loại MH3032607, 3(3,0)		Tự chọn A (6 TC)	TT CAD/CAM/CNC MH3032631, 3(1,2)
	Thực hành Hàn MH3032612, 3(1,2)			Khắc luật MH3032632, 3(0,6)

Học trong học kỳ hệ

GDQP và AN
MH3109022, 3(2,1)



TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - PHÁP LUẬT
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Văn Thanh

Nguyễn Lưu Minh Triết
Nguyễn Lưu Minh Triết

Nguyễn Văn Nhật
Nguyễn Văn Nhật